

Bản án số: 10/2023/LĐ-ST

Ngày: 29/12/2023

Về việc tranh chấp về yêu cầu tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Nam Lê Thiện – Phó chủ tịch Liên đoàn lao động thành phố Dĩ An;

2. Ông Tô Văn Nhung – Giáo viên hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 146/2023/TLST-LĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-LĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1978; địa chỉ: số 107, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Bà Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1999; thường trú: Số nhà 32, tổ 2, ấp 4, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, (vắng mặt).

Hoặc:

2. Bà Trần Thị Thảo U, sinh năm 1997; địa chỉ: Số 600 Phạm Ngọc T, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH L; địa chỉ: khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trương Thị Thúy L1, sinh năm 1951; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật của Công ty, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội thành phố D; địa chỉ: Khu Trung tâm hành chính thành phố D, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T; chức vụ: Chuyên viên BHXH thành phố D; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/10/2023), (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2023, đơn xác nhận yêu cầu khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị L bắt đầu làm việc tại Công ty TM XNK T và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 07/2007 đến 08/2008. Từ tháng 09/2008 đến tháng 12/2021 bà L làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH D (sau này đổi tên thành Công ty TNHH Y). Bà làm công việc tại các công ty trên toàn thời gian. Lúc ký hợp đồng bà có làm sơ yếu lý lịch có chứng thực của ủy ban, kèm chứng minh nhân dân số 211605625, do Công an tỉnh Bình Định cấp năm 2007. Công ty TM XNK T và Công ty TNHH D (sau này đổi tên thành Công ty TNHH Y) đã tham gia bảo hiểm cho bà tại BHXH tỉnh Bình Dương với mã số bảo hiểm là 9107144858. Ngoài làm việc cho hai Công ty trên thì trong thời gian này bà không làm việc tại bất cứ công ty nào khác cũng như không cho bất cứ ai mượn chứng minh nhân dân, hồ sơ giấy tờ để làm thủ tục đóng bảo hiểm, đi làm việc ở bất cứ tổ chức nào.

Sau khi nghỉ việc tại Công ty Dĩnh H, đến tháng 02/2023 bà L đến Bảo hiểm xã hội thành phố D để làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm xã hội một lần nhưng Bảo hiểm xã hội D không giải quyết cho bà với lý do bà có thời gian đóng bảo hiểm bị trùng lặp tại Công ty TNHH L, thời gian bị trùng từ tháng 07/2005 đến tháng 05/2009.

Nay bà xác định chưa bao giờ ký hợp đồng lao động hay làm việc tại Công ty TNHH L, cũng không ký bất cứ giấy tờ gì để Công ty TNHH L tham gia bảo hiểm xã hội cho bà. Việc có người khác sử dụng chứng minh của bà để tham gia bảo hiểm dẫn đến trùng lặp thời gian đóng bảo hiểm, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Bà xác định không biết người đã lấy thông tin của bà để đóng bảo hiểm là ai, nhằm mục đích gì. Bà yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà (do người khác mượn tên) và Công ty TNHH L, thời gian làm việc từ tháng 7/2005 đến tháng 05/2009 là vô hiệu do người ký kết hợp đồng không phải là bà. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Việc người khác giả mạo hồ sơ của bà để làm việc tại Công ty TNHH L là ngoài ý muốn của Công ty. Do đó bà tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

- Tại bản tự khai ngày 31/10/2023, lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Theo các dữ liệu được lưu trữ trên dữ liệu máy tính của Công ty TNHH L thì vào tháng 7/2005 Công ty có tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978, số CMND: 211605625, địa chỉ: Xóm 1, L, A, H, Bình Định. Bà L làm việc với vai trò là công nhân. Thời gian làm việc của bà Nguyễn Thị L theo như quy định của nội quy lao động công ty. Đến tháng 05/2009 bà L nghỉ việc tại Công ty cho đến nay và Công ty đã chốt sổ bảo hiểm cho bà L.

Do công ty đã thay đổi địa chỉ hoạt động, hơn nữa hồ sơ lao động của bà L đến nay đã 14 năm nên không còn lưu trữ ở Công ty, vì vậy, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là hồ sơ lao động và hợp đồng lao động của bà L cho Tòa án.

Việc bà L sử dụng giấy tờ tùy thân của người khác để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L thì thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động (từ tháng 07/2005 đến tháng 05/2009) giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty TNHH L vô hiệu thì bị đơn đồng ý. Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu thì bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 16/10/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố D trình bày:

Qua đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH L cho người lao động thì Công ty TNHH L cho tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 với mã số BHXH 9105087199 từ tháng 7/2005 đến tháng 05/2009. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà L thì cơ quan Bảo hiểm xã hội không lưu trữ. Về các yêu cầu của bà Nguyễn Thị L thì Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử đến khi tiến hành phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự, đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định, không vi phạm pháp luật tố tụng dân sự. Phát biểu quan điểm về nội dung vụ án: xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D là ông Dương Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự trong vụ án: Nguyên đơn bà L khởi kiện Công ty TNHH L, địa chỉ: khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Căn cứ khoản 3 Điều 68 BLTTDS Tòa án xác định bị đơn là Công ty TNHH L. Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019.

[1.3] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH L và bà Nguyễn Thị L. Tuy nhiên, Công ty TNHH L thừa nhận có Hợp đồng lao động và có tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động là bà Nguyễn Thị L nhưng thời gian đã lâu nên không còn lưu trữ. Như vậy, thực tế có tồn tại Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH L và người lao động có thông tin Nguyễn Thị L. Đây là tài liệu, chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động Nguyễn Thị L như sau:

Mã số bảo hiểm xã hội 9107144858: từ tháng 07/2007 đến tháng 08/2008 tại Công ty TM XNK T (sau đây gọi tắt là Công ty T). Từ tháng 09/2008 đến tháng 12/2021 tại Công ty TNHH D (sau này đổi tên thành Công ty TNHH Y).

Mã số bảo hiểm xã hội 9105087199: từ tháng 07/2005 đến tháng 05/2009 tại Công ty TNHH L (sau đây gọi tắt là Công ty L).

[2.2] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Bà Nguyễn Thị L ký kết hợp đồng lao động với Công ty TM XNK T từ tháng 07/2007 đến tháng 08/2008 và từ tháng 09/2008 đến tháng 12/2021 tại Công ty TNHH D (sau này đổi tên thành Công ty TNHH Y) và được các Công ty trên tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ thể hiện tại sổ bảo hiểm xã hội số 9107144858.

Bị đơn Công ty TNHH L xác nhận có ký kết hợp đồng lao động với người lao động có tên Nguyễn Thị L và có tham gia BHXH, BHTN cho người lao động

từ tháng 07/2005 đến tháng 05/2009. Đến tháng 05/2009 bà L nghỉ việc tại công ty. Hiện hồ sơ lao động của bà L công ty không còn lưu trữ. Việc bà L mượn hồ sơ của người khác để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L thì thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả. Thời điểm bà L nghỉ việc thì Công ty L đã chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà L. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà L với Công ty L vô hiệu thì bị đơn đồng ý.

Việc người khác sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà L để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994. Do đó việc bà Nguyễn Thị L yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L (do người khác sử dụng thông tin của bà L) với Công ty TNHH L là có căn cứ theo quy định tại theo quy định tại Điều 136, Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 1995.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Như vậy, Công ty TNHH L tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động có tên Nguyễn Thị L từ tháng 07/2005 đến tháng 05/2009. Tuy nhiên, thực tế bà L chỉ làm việc tại Công ty T và sau đó là Công ty Dĩnh H, không làm việc tại Công ty TNHH L. Do đó, hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH L với bà Nguyễn Thị L là vô hiệu như những phân tích ở trên.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

[5] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 5, 32, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 136 và Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 1995;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty TNHH L (thời gian làm việc từ tháng 07/2005 đến tháng 05/2009) vô hiệu.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí lao động sơ thẩm, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006838 ngày 05/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An.

3. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng